

Số: **152/2021/QĐST-NHGD**

T H, ngày 28 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T H, THỊNH PHỐ H1 N

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải tHnh ngày 18 tháng 6 năm 2021.

Sau khi nghiên cứu H sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 164/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/6/2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Phương Thị N, sinh năm 1967.

- Anh Lê Văn T, sinh năm 1967.

Cùng hộ khẩu thường trú và cư trú: Tổ 34, cụm 5 (số mới: Số 6, ngách 38, tổ 34, cụm 5), phường N L, quận T H, TP H1 N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Chị Phương Thị N và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 07/01/1991 tại Ủy ban nhân dân xã N L, huyện Từ Liêm (nay là UBND phường N L, quận T H), H1 N, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Anh, chị cùng xác nhận sau khi kết hôn vợ cHng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm, lối sống. Anh, chị cùng xác định tình cảm vợ cHng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị N, anh T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2]. Về con chung: Chị N, anh T cùng xác nhận anh chị có 2 con chung là Lê Quang V, sinh ngày 24/8/1992 và Lê Hng P, sinh ngày 07/11/2001. Anh chị cùng xác nhận các con chung đều đã đến tuổi trưởng tHnh, có cuộc sống riêng ổn định nên không yêu cầu giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Anh T, chị N cùng xác nhận anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về công nợ chung: Anh T, chị N cùng xác nhận anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Anh T tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm anh T đã nộp tại biên Li nộp tiền tạm ứng án phí số 000. ngày 10/6/2021 tại Chi cục Thi H1nh án dân sự quận T H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không tH1nh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phương Thị N và anh Lê Văn T thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Chị N, anh T có 2 con chung là Lê Quang V, sinh ngày 24/8/1992 và Lê Hng P, sinh ngày 07/11/2001. Anh chị cùng xác nhận các con chung đều đã đến tuổi trưởng tH1nh, có cuộc sống riêng ổn định, anh chị không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về tài sản chung: Anh T, chị N cùng xác nhận anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

Về công nợ chung: Anh T, chị N cùng xác nhận anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

2. Về lệ phí: Anh Lê Văn T tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng anh T đã nộp tại biên Li nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000. ngày 10/6/2021 tại Chi cục Thi H1nh án dân sự quận T H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban H1nh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận T H;
- UBND phường N L, quận T H, HN
(đăng ký kết hôn số 02/quyển số 01);
- Lưu H sơ.

THẨM PHÁN

